



**BSC WEEKLY REVIEW**  
**Tuần 05 (29/01-02/02/24)**

*Tiềm năng TTCK Việt Nam khi được các  
tổ chức MSCI, FTSE nâng hạng*

# NỘI DUNG

**1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI:** *VN-Index tích lũy lại trên 1,168 điểm, chờ đồng thuận kiểm tra 1,200 điểm*

**2. CHUYÊN MỤC TUẦN:** *Tiềm năng TTCK Việt Nam khi được các tổ chức MSCI, FTSE nâng hạng*

**3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ**

**4. PTKT VN-INDEX:** *Tích lũy lại trên 1,168 điểm với thanh khoản trung bình*

**5. TIN VĨ MÔ:** *Hoa Kỳ: GDP sơ bộ quý 4/2023 +3.3% QoQ*

**6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG:** *Tài nguyên cơ bản +1.82%*

**7. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN**

**8. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG**

# CHIẾN THUẬT TUẦN: VN-Index tích lũy lại trên 1,168 điểm, chờ đồng thuận kiểm tra 1,200 điểm

	Điểm số	Thay đổi (%)
<b>VN-INDEX</b>	<b>1175.67</b>	<b>-0.49%</b>
GTGD/phiên (tỷ VND)	12,632.01	-2.78%
Khối ngoại (tỷ VND)	892.74	
<b>HNX-INDEX</b>	<b>229.43</b>	<b>-0.02%</b>
GTGD/phiên (tỷ VND)	994.05	-9.19%
Khối ngoại (tỷ VND)	-15.34	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4890.97	-0.07%	1.06%	2.54%
EU (EURO STOXX)	4635.47	1.16%	4.20%	2.52%
China (SHCOMP)	2910.22	0.14%	2.75%	-2.18%
Japan (NIKKEI)	35751.07	-1.34%	-0.59%	6.83%
Korea (KOSPI)	2478.56	0.33%	0.24%	-6.66%
Singapore (STI)	3159.53	0.38%	0.23%	-2.49%
Thailand (SET)	1368.15	-0.58%	-1.04%	-3.37%
Phillipines (PCOMP)	6686.09	0.19%	2.81%	3.66%
Malaysia (KLCI)	1506.28	0.14%	1.34%	3.55%
Indonesia (JCI)	7137.09	-0.57%	-1.25%	-1.87%
Vietnam (VNIndex)	1175.67	0.45%	-0.49%	4.05%

## TTCK VIỆT NAM

### Áp lực chốt lãi trong tuần đối dòng sang nhóm cổ phiếu vừa

VN-Index giảm 0.5% trước áp lực chốt lãi và hoạt động chuyển dòng cổ phiếu, qua đó chấm dứt chuỗi 4 tuần tăng điểm. Các cổ phiếu lớn ngành ngân hàng điều chỉnh sau nhiều tuần tăng tốt tạo áp lực điều chỉnh lên chỉ số. Dòng tiền vận động sang các cổ phiếu chưa tăng hoặc cổ phiếu quy mô vừa trong bối cảnh thanh khoản không tăng trưởng. Thị trường phân hóa trước KQKD quý IV khi có 40% cổ phiếu và 8/18 ngành tăng điểm. Tiếp theo hoạt động mua ròng tuần trước, khối ngoại mua ròng 42 triệu USD là điểm tích cực. Thị trường đang có sự phân hóa theo KQKD, và hoạt động công bố KQKD quý IV sẽ cơ bản hoàn thành trong tuần tới. NĐT có thể cân nhắc theo chiến lược tuần trước, chốt lãi 1 phần các cổ phiếu tăng mạnh và canh mua lại trong phiên rung lắc khi xu hướng chưa rõ ràng và tâm lý thận trọng trước kỳ nghỉ Lễ.

Tính đến 26/1, 2 sàn HSX và HNX đã có 352 công ty, chiếm 45.8%, đã công bố KQKD quý IV. LNST thị trường đạt 10.5 nghìn tỷ, tăng 18.8% so với cùng kỳ 2023. 81% số công ty có KQKD lãi trong khi 56% công ty có tăng trưởng dương so cùng kỳ. Nhóm công ty có lợi nhuận tăng trưởng tốt gồm PDR, VIX, SSI, APG, APS trong khi các công ty dẫn đầu sụt giảm lợi nhuận gồm DGC, TC6, PHR, PSH và VSH. Các công ty có LNST tuyệt đối tăng mạnh đang thuộc về nhóm cổ phiếu chứng khoán. Chỉ có 2 công ty FPT và SSI trong nhóm VN30 công bố lợi nhuận. Nhiều ngân hàng đã thông báo sơ bộ tích cực nhưng chưa ra báo cáo chính thức. KQKD quý IV thời điểm hiện tại đang khá tích cực và sẽ tăng trưởng dương cùng kỳ sau 3 quý giảm liên tiếp.

## TTCK THẾ GIỚI

### CK Hoa Kỳ duy trì đà tăng nhờ các thông tin vĩ mô tích cực

GDP quý 4/2023 của Hoa Kỳ tăng 3.3%, vượt xa dự báo 2% của các tổ chức tài chính, cùng với tín hiệu kích lệ lạm phát khi PCE chỉ tăng 2% là yếu tố thúc đẩy thị trường chứng khoán. Các chỉ số chứng khoán Hoa Kỳ tăng bình quân 0.6% hòa với mức tăng 1.9% của EU600 và 2.7% của Shanghai Index. Tín hiệu tích cực nền kinh tế cũng giúp chỉ số DXY tăng 0.32%, qua đó tăng 2.6% trong 1 tháng sau khi đã suy yếu vào cuối năm 2023. Kinh tế Hoa Kỳ tăng trưởng tốt cũng thúc đẩy giá dầu tăng mạnh 5.0%, khi tăng 4.5% và các kim loại hồi phục qua đó góp phần lớn cho đà tăng 2.7% của chỉ số hàng hóa. Trong tuần tới, Châu Âu công bố GDP và đặc biệt là cuộc họp chính tháng 1 của FED sẽ có tác động đến các thị trường.

Trung Quốc hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc 0.5%, giải phóng thêm 139 tỷ USD thanh khoản dài hạn cho nền kinh tế từ đầu tháng 2/2024. Năm 2023, PBoC đã hai lần hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc. Bối cảnh hạ lãi suất diễn ra khi NIM của các ngân hàng thấp kỷ lục, TTCK Trung Quốc và HongKong giảm mạnh và tăng trưởng kinh tế, ngành BĐS không như kỳ vọng dù đã thực thi nhiều chính sách hỗ trợ. Chủ tịch BPOC cho biết rủi ro tài chính nằm trong tầm kiểm soát, cơ quan này sẽ đẩy mạnh các biện pháp phản chu kỳ, Nhân dân tệ giữ ở mức cân bằng hợp lý và do thị trường quyết định. Giảm mạnh dự trữ bắt buộc đang cho thấy BPOC đang quyết đoán hơn khi chính sách tiền tệ các quốc gia chủ chốt sẽ thu hẹp cách biệt và mở thêm dư địa điều hành chính sách tiền tệ.

# CHUYÊN MỤC TUẦN: *Tiềm năng TTCK Việt Nam khi được các tổ chức MSCI, FTSE nâng hạng*

## 1. TTCK Việt Nam trong đánh giá của MSCI và FTSE và nỗ lực của cơ quan quản lý

### Phân loại thị trường chứng khoán thế giới

Hiện tại, có 3 tổ chức lớn về xếp hạng thị trường gồm: Morgan Stanley Capital International (MSCI), FTSE Russell và S&P Dow Jones, trong đó sự phân hạng thị trường của FTSE và MSCI là cơ sở tham chiếu đánh giá vị thế một quốc gia, thị trường chứng khoán và doanh nghiệp trong mắt các nhà đầu tư quốc tế và có ảnh hưởng lớn tới các chỉ số tiêu chuẩn toàn cầu.

Mỗi tổ chức có một hệ thống tiêu chí đánh giá riêng, tuy nhiên, đều tập trung vào các khía cạnh cơ bản về: (1) Mức độ phát triển của nền kinh tế, (2) sự ổn định về chính trị, (3) quy mô, tính thanh khoản và hiệu quả vận hành của thị trường, (4) khả năng tiếp cận thị trường của nhà đầu tư nước ngoài, và (5) khả năng lưu chuyển dòng vốn.

- **Đối với MSCI:** TTCK thế giới được chia thành 3 nhóm chính gồm: (1) Thị trường phát triển (Developed Market), (2) Thị trường mới nổi (Emerging Market), và (3) Thị trường cận biên (Frontier Market). Tính tới T06/2023, có khoảng 76 thị trường chứng khoán được MSCI xếp hạng. Trong đó, có 29 TTCK nằm trong nhóm thị trường cận biên, 24 thị trường thuộc thị trường mới nổi và 23 thị trường thuộc nhóm thị trường phát triển.

- **Đối với FTSE:** có chia riêng nhóm thị trường mới nổi thành 2 nhóm là: thị trường mới nổi tiên tiến (Advanced Emerging) và Thị trường mới nổi thứ cấp (Secondary Emerging), bên cạnh đó cũng phân loại thị trường phát triển (Developed) và thị trường cận biên (Frontier) như MSCI.

Trong báo cáo phân loại thị trường công bố vào T09/2023, FTSE Russell đang xếp hạng: 29 thị trường thuộc nhóm cận biên, 14 thị trường thuộc thị trường mới nổi thứ cấp, 10 thị trường thuộc thị trường mới nổi tiên tiến và 25 thị trường thuộc nhóm thị trường phát triển.

### Việt Nam trong lần đánh giá gần nhất của MSCI và FTSE

Theo tiêu chí của MSCI và FTSE, Việt Nam đang ở thị trường cận biên (Frontier Market) đã đáp ứng một số các tiêu chí phân loại thị trường mới nổi tuy nhiên vẫn còn nhiều điều kiện cần thay đổi để đáp ứng, cụ thể như sau:

**Bảng 01: Tổng hợp các tiêu chí đánh giá của MSCI và FTSE về TTCK Việt Nam**

Tiêu chuẩn	MSCI (T06/2023)	FTSE (T09/2023)
<b>Việt Nam thỏa mãn</b>	<p>Về cơ bản đã đáp ứng 9/18 tiêu chí phân loại, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Độ mở đối với NĐTNN (1/4):</b> mức độ yêu cầu đối với nhà đầu tư.</li> <li>- <b>Sự dễ dàng ra/vào của dòng vốn (1/2):</b> mức độ hạn chế đối với dòng vốn.</li> <li>- <b>Khả năng tham gia thị trường (1/1):</b> quy trình đăng ký và thiết lập tài khoản cho NĐT.</li> <li>- <b>Tính tổ chức của thị trường (1/2):</b> các quy định pháp lý liên quan đến thị trường.</li> <li>- <b>Cơ sở hạ tầng thị trường (3/7):</b> hoạt động lưu ký/đăng ký, giám sát, giao dịch trên thị trường.</li> <li>- <b>Tính sẵn có của công cụ đầu tư (1/1)</b></li> <li>- <b>Tính ổn định của khuôn khổ thể chế (1/1)</b></li> </ul>	<p>Đã đáp ứng 9/21 tiêu chí phân loại, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Đạt 2/5 tiêu chí về môi trường quy định và pháp lý:</b> cơ quan quản lý tích cực giám sát thị trường và không phản đối, hạn chế hoặc áp dụng hình phạt đối với các hoạt động đầu tư/ thu hồi vốn.</li> <li>- <b>Đạt 4/9 tiêu chí trên thị trường vốn cổ phần:</b> chi phí giao dịch phù hợp, thuế áp dụng ở mức phù hợp giữa NĐTNN và trong nước, hoạt động tư vấn, môi giới chất lượng, tính minh bạch về thông tin trên thị trường và quy trình báo cáo giao dịch kịp thời.</li> <li>- <b>Đạt 3/7 tiêu chí về hoạt động thanh toán, bù trừ, lưu ký:</b> đáp ứng chu kỳ thanh toán T+2, đã có Trung tâm lưu ký chứng khoán có khả năng cung cấp dịch vụ chất lượng;</li> </ul>
<b>Việt Nam chưa thỏa mãn</b>	<p>Có 9/18 tiêu chí chưa đạt, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Độ mở đối với NĐTNN (3/4):</b> Giới hạn sở hữu nước ngoài, room ngoại còn lại cho NĐTNN, quyền bình đẳng của NĐTNN.</li> <li>- <b>Sự dễ dàng ra/vào của dòng vốn (1/2):</b> Mức độ tự do thị trường ngoại hối.</li> <li>- <b>Tính tổ chức của thị trường (1/2):</b> Luồng thông tin.</li> <li>- <b>Cơ sở hạ tầng thị trường (4/7):</b> hoạt động thanh toán bù trừ, khả năng chuyển nhượng dễ dàng, hoạt động cho vay chứng khoán, bán khống chứng khoán</li> </ul>	<p>Có 13/21 tiêu chí phân loại ở mức hạn chế và chưa có nhiều cải thiện, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Chưa đạt 3/5 tiêu chí về môi trường quy định pháp lý:</b> Đối xử công bằng với cổ đông thiểu số, hạn chế quyền sở hữu nước ngoài, đơn giản hóa quy trình đăng ký cho NĐTNN.</li> <li>- <b>Chưa đạt 5/9 tiêu chí trên thị trường vốn cổ phần:</b> thị trường chứng khoán phát triển chưa phát triển, không có hoạt động cho vay, bán khống chứng khoán, hoạt động giao dịch ngoại hối, cơ chế giao dịch hiệu quả còn hạn chế.</li> <li>- <b>Chưa đạt 4/7 tiêu chí thuộc hoạt động thanh toán, bù trừ, lưu ký:</b> Cơ chế giao dịch đối tác bù trừ trung tâm, khả năng sẵn sàng thanh toán, giao dịch. Cấu trúc tài khoản của tài khoản giám sát (tiền mặt và chứng khoán)</li> <li>- <b>Tiêu chí về mức độ tự do trên thị trường ngoại hối còn hạn chế</b></li> </ul>

Nguồn: MSCI, FTSE, BSC Research

# CHUYÊN MỤC TUẦN: *Tiềm năng TTCK Việt Nam khi được các tổ chức MSCI, FTSE nâng hạng*

## Việt Nam còn thiếu những điều gì để được nâng hạng?

Nhìn chung Việt Nam về cơ bản đã đáp ứng được phần lớn các tiêu chí của FTSE (7/9 tiêu chí) đối với xếp hạng thị trường mới nổi sơ cấp (Secondary Emerging), tuy nhiên đối với tiêu chí nâng hạng của MSCI mới đáp ứng 9/18 tiêu chí – tiêu chuẩn xếp hạng của MSCI khắt khe và không linh hoạt bằng việc phân loại của FTSE Russell.

- **Đối với FTSE:** Việt Nam tiếp tục được FTSE Russell duy trì trong danh sách chờ để xem xét nâng hạng lên thị trường mới nổi thứ cấp trong 2024, FTSE Russell cũng nêu rõ Việt Nam đã được đưa vào danh sách theo dõi kể từ T09/2018 tuy nhiên sự tiến triển chậm hơn so với dự kiến – một phần do đại dịch Covid-19. Một điểm đáng ghi nhận trong báo cáo đánh giá T09/2023 khi FTSE nêu rõ nhận định tích cực về tính cam kết của các lãnh đạo cấp cao Việt Nam đối với các công việc cần phải thực hiện và UBCKNN cũng đã có nhiều động thái tìm kiếm giải pháp khả thi để gỡ bỏ yêu cầu cần ký quỹ trước giao dịch (pre-funding).

FTSE đang đánh giá 02 tiêu chí còn hạn chế là **“Chu kỳ thanh toán (DvP)”** và **“Thanh toán – các chi phí liên quan đến giao dịch thất bại”**. Hiện nay, việc kiểm tra có sẵn tiền trước khi thực hiện giao dịch để đảm bảo an toàn là thông lệ tại Việt Nam do đó thị trường sẽ không có các giao dịch thất bại (failed trades), vì vậy tiêu chí “Thanh toán – các chi phí liên quan đến giao dịch thất bại” không được đánh giá. Tuy nhiên, hiện nay UBCKNN đang tìm kiếm giải pháp để gỡ bỏ yêu cầu cần ký quỹ trước khi giao dịch (pre-funding) bên cạnh sớm đưa vào vận hành hệ thống giao dịch KRX - các động thái này được FTSE Russell đánh giá cao.

- **Đối với MSCI:** Việt Nam vẫn chưa được đưa vào danh sách xem xét nâng hạng, các tiêu chí của MSCI khắt khe, cứng rắn hơn so với FTSE Russell. Trong 03 năm gần nhất từ 2021-2023, 09 tiêu chí Việt Nam chưa đáp ứng vẫn không có sự cải thiện, do đó trước khi được chính thức MSCI nâng hạng, Việt Nam còn phải nỗ lực rất nhiều để được xem xét đưa vào danh sách theo dõi của MSCI – điều tương tự FTSE Russell đã thực hiện kể từ T09/2018.

**Bảng 03: So sánh chi tiết các tiêu chí xếp hạng giữa Việt Nam và ASEAN5**

Tiêu chí	Thailand	Malaysia	Indonesia	Philippines	Vietnam
<b>Phân loại thị trường</b>		Emerging market			Frontier market
<b>Độ mở đối với NĐTNN</b>					
Mức độ yêu cầu đối với nhà đầu tư	++	++	++	++	++
Giới hạn sở hữu nước ngoài	-	+	++	-	-
Room ngoại còn lại cho NĐTNN	-	++	++	-	-
Quyền bình đẳng của NĐTNN	-	+	+	+	-
<b>Sự dễ dàng ra/vào của dòng vốn</b>					
Mức độ hạn chế đối với dòng vốn	++	++	++	++	++
Mức độ tự do thị trường ngoại hối	+	+	-	-	-
<b>Khả năng tham gia thị trường</b>					
Quy trình đăng ký và thiết lập tài khoản cho NĐT	++	++	++	++	+
<b>Tính tổ chức của thị trường</b>					
Các quy định pháp lý liên quan đến thị trường	++	++	++	++	+
Luồng thông tin	++	++	+	++	-
<b>Cơ sở hạ tầng thị trường</b>					
Thanh toán bù trừ	+	++	+	+	-
Hoạt động giám sát, lưu ký	++	++	++	++	++
Cơ quan đăng ký/lưu ký	++	++	++	++	++
Hoạt động giao dịch	++	++	++	++	++
Khả năng chuyển nhượng	++	+	+	++	-
Hoạt động cho vay chứng khoán	+	++	+	-	-
Hoạt động bán khống chứng khoán	+	+	+	-	-
<b>Tính sẵn có của công cụ đầu tư</b>	++	++	++	++	++
<b>Tính ổn định của khuôn khổ thể chế</b>	+	+	+	+	+

++: không có vấn đề gì; +: không có vấn đề gì lớn, có thể cải thiện; -: cần cải tiến

Nguồn: MSCI, BSC Research

**Bảng 02: Tiêu chí cơ bản phân loại thị trường của MSCI**

Tiêu chí	Frontier	Emerging	Developed
<b>A. Sự phát triển của nền kinh tế</b>			
A.1 Tính bền vững của phát triển kinh tế	Không yêu cầu	Không yêu cầu	GNI bình quân đầu người Cao hơn 25% ngưỡng thu nhập cao của WB* trong 3 năm liên tiếp
<b>B. Yêu cầu về quy mô và thanh khoản</b>			
B.1. Số lượng công ty đáp ứng các chỉ số sau đây	2	3	5
Quy mô công ty (vốn hóa thị trường)**	1,033 triệu USD	2,066 triệu USD	4,133 triệu USD
Quy mô chứng khoán (Vốn hóa free-float)**	73 triệu USD	1,033 triệu USD	2,066 triệu USD
Thanh khoản chứng khoán***	2.5% ATVR	15% ATVR	20% ATVR
<b>C. Tiêu chí về tiếp cận thị trường</b>			
C.1 Độ mở đối với sở hữu nước ngoài	Ở mức tối thiểu	Đáng kể	Rất cao
C.2 Sự dễ dàng của dòng vốn vào/ra	Ở mức tối thiểu	Đáng kể	Rất cao
C.3 Hiệu quả của khung hoạt động	Vừa phải	Tốt và đã được kiểm tra	Rất cao
C.4 Sự sẵn có của các công cụ đầu tư	Cao	Cao	Không giới hạn
C.5 Tính ổn định của khung thể chế	Vừa phải	Vừa phải	Rất cao

\* Ngưỡng thu nhập cao: GNI bình quân đầu người năm 2021 là 13,205 USD (WB, phương pháp Atlas)

\*\*Mức sử dụng tối thiểu cho Đánh giá chỉ số T05/2023, được cập nhật hàng quý

\*\*\* ATVR: Tỷ lệ giá trị giao dịch hàng năm tính theo công thức GTGD hàng năm/GTVH điều chỉnh free-float

Nguồn: MSCI, BSC Research

# CHUYÊN MỤC TUẦN: *Tiềm năng TTCK Việt Nam khi được các tổ chức MSCI, FTSE nâng hạng*

MSCI cũng chỉ ra nhiều yếu tố Việt Nam cần thay đổi, trong đó 02 điểm có thể sớm được cải thiện là: (1) quy trình đăng ký mở tài khoản cho NĐTNN – do hiện nay NĐTNN bắt buộc phải đăng ký giao dịch và thiết lập tài khoản cần có sự chấp thuận của VSD, và (2) việc công bố thông tin về quy định pháp luật, doanh nghiệp bằng ngôn ngữ tiếng Anh để NĐTNN có thể tiếp cận và nắm bắt kịp thời – công bằng như NĐT trong nước. Nhìn sang TTCK Philippines trong khu vực, mặc dù còn nhiều tiêu chí chưa được MSCI đánh giá hoàn thiện nhưng Philippines đang được MSCI xếp hạng thị trường mới nổi, so sánh một cách tương quan với Philippines ở các chỉ tiêu được bôi đỏ trong Bảng 03 – Việt Nam có thể khắc phục được những yếu tố này.

Nếu cải thiện được những điểm này bên cạnh cơ hội được FTSE Russell nâng hạng lên thị trường mới nổi sơ cấp trong tương lai gần, Việt Nam có thể sẽ được MSCI đưa vào danh sách theo dõi – một dấu mốc quan trọng đối với TTCK Việt Nam kể từ khi đi vào hoạt động.

**Nhận xét:** Như vậy, trong báo cáo đánh giá gần nhất của MSCI và FTSE trong năm 2023, Việt Nam còn thiếu nhiều tiêu chí và cần phải cải thiện để sớm được nâng hạng thị trường. Về cơ bản, một số vấn đề chính cơ quan quản lý cần sớm hoàn thiện, điều chỉnh bao gồm: (1) thành lập trung tâm thanh toán bù trừ trung tâm (CCP) – điểm mấu chốt khi cả FTSE và MSCI đều coi đây là nút thắt trong việc nâng hạng thị trường, (2) cải thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao tính minh bạch cũng như chất lượng công bố thông tin của các doanh nghiệp trên thị trường (thời gian, ngôn ngữ bằng tiếng Anh), (3) hoàn thiện cơ chế chính sách, quy định pháp luật, (4) vấn đề liên quan đến tỷ lệ sở hữu nước ngoài cũng như quy trình đăng ký tài khoản mở mới cho NĐTNN, (5) tăng cường các hoạt động bảo vệ quyền lợi cho nhà đầu tư và (6) tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra giám sát.

## **Kỳ vọng vào những nỗ lực từ các cơ quan quản lý và thành viên thị trường**

Theo lãnh đạo UBCKNN, yêu cầu ký quỹ trước giao dịch (pre-funding) là trở ngại lớn nhất đối với quá trình nâng hạng thị trường đồng thời để đảm bảo được các tiêu chí nâng hạng thì có những thách thức rất lớn với bản thân doanh nghiệp, cơ quan quản lý do yêu cầu bảo đảm toàn vẹn khả năng chống chịu rủi ro của thị trường.

Trong năm 2023, Bộ Tài chính, UBCKNN, SGĐCK cùng các thành viên đã rất nỗ lực để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc để tiến gần hơn đến mục tiêu nâng hạng, nâng cao hiệu quả vận hành thị trường, cụ thể:

+ **Tích cực hợp tác quốc tế, hội nghị xúc tiến đầu tư, làm việc với các UBCK, SGĐCK, tổ chức xếp hạng thế giới:** (1) Hội nghị bàn tròn về kết nối thị trường vốn nhằm xây dựng thị trường vốn xanh giữa Việt Nam – Luxembourg tại SGĐCK Luxembourg, (2) Gặp gỡ 2 tổ chức MSCI, FTSE và các NĐT Quốc tế họp bàn giải pháp nâng hạng thị trường tại Hong Kong (Trung Quốc) vào T08/2023, (3) Làm việc với tổ chức xếp hạng tín nhiệm S&P Global Ratings và ký kết Ý định thư giữa UBCKNN và SGĐCK Nasdaq vào T09/2023 nhân chuyến thăm của Thủ tướng đến Hoa Kỳ, (4) Tham gia diễn đàn OECD về Tài chính và đầu tư xanh vào T10/2023, (5) Thúc đẩy hợp tác song phương giữa UBCK Việt Nam và Ủy ban chứng khoán Hoa Kỳ vào T11/2023 và (6) Thúc đẩy hợp tác song phương với UBCK và Đầu tư Australia vào T12/2023.

+ **Nỗ lực đưa hệ thống KRX vào vận hành:** trong Quý 4/2023, SGĐCK Tp Hồ Chí Minh (Hose) cùng các thành viên thị trường đã tích cực kiểm thử và vận hành hệ thống KRX. Theo kế hoạch dự kiến vào tháng 12/2023 hệ thống sẽ go-live, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại thời gian chính thức đưa vào vận hành vẫn đang bỏ ngõ. Nếu hệ thống giao dịch KRX sớm đi vào hoạt động sẽ là bước quan trọng về mặt kỹ thuật cho việc không cần yêu cầu NĐTNN phải có đủ 100% tiền trong tài khoản trước khi mua chứng khoán cũng như cải thiện đánh giá của các tổ chức xếp hạng trong các kỳ đánh giá định kỳ sắp tới.

+ **Tìm kiếm phương án giải quyết pre-funding:** Vào T12/2023, lãnh đạo UBCKNN đã tổ chức các cuộc họp với các thành viên thị trường, doanh nghiệp, cơ quan liên quan để tìm giải pháp liên quan đến nội dung ký quỹ trước giao dịch. Bên cạnh việc đưa vào vận hành hệ thống KRX, tăng cường thanh tra, kiểm tra giám sát hành vi của NĐT trên thị trường thì việc tăng thẩm quyền cho các CTCK trong việc thẩm định rủi ro: tự ra quyết định trong vấn đề ký quỹ đối với từng NĐT, được phép tịch thu tài sản, thanh lý chứng khoán khi NĐT không thể thanh toán... cũng đang được cân nhắc.

# CHUYÊN MỤC TUẦN: *Tiềm năng TTCK Việt Nam khi được các tổ chức MSCI, FTSE nâng hạng*

## + Tìm kiếm sự phối hợp của Ngân hàng Nhà nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- **Về vấn đề ký quỹ:** Theo lãnh đạo của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD) việc áp dụng mô hình đối tác bù trừ trung tâm (CCP) với sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, trong đó ngân hàng lưu ký phải là thành viên bù trừ sẽ là phương án tối ưu để xử lý vướng mắc pre-funding. Vai trò của NHNN rất quan trọng trong việc triển khai CCP cũng như mức độ linh hoạt trong việc điều hành chính sách tỷ giá.

- **Về tiêu chí tỷ lệ sở hữu nước ngoài:** để giải quyết vấn đề này sẽ cần thay đổi các quy định đối với từng ngành nghề, danh mục hạn chế tiếp cận thị trường đối với NĐTNN. Quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài hiện nay đang được quy định tại: Luật Đầu tư (Nghị định 31/2021/NĐ-CP hướng dẫn thi hành), Luật Chứng khoán (Nghị định số 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn thi hành). Ngoài ra, việc nghiên cứu và thí điểm áp dụng chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết (NVDR) – TTCK Thái Lan đã triển khai khá thành công – cũng cần có cơ chế phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp.

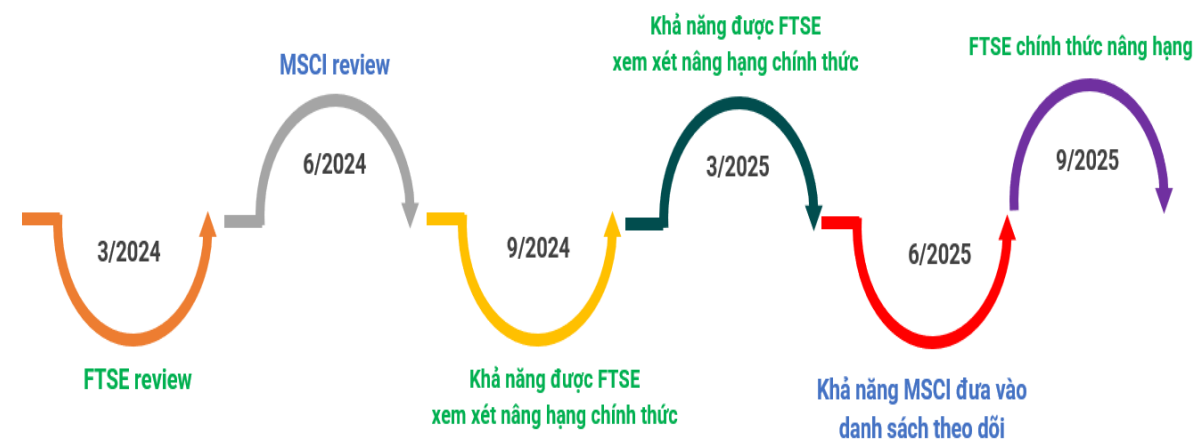
## Nhận xét:

Một số các tiêu chí như: mức độ tự do trên thị trường ngoại hối, cho vay chứng khoán và bán khống là những vấn đề cần thời gian để cải thiện, mặc dù vậy, đây chưa phải là các yếu tố bắt buộc cần có để được nâng hạng. Bên cạnh đó, việc chuẩn bị đưa hệ thống giao dịch mới (KRX) vận hành chính thức trong thời gian tới - sẽ là một điểm đáng lưu ý đối với 2 tổ chức xếp hạng cho các kỳ đánh giá tiếp theo trong 2024 đối với TTCK Việt Nam.

Bên cạnh đó, những trở ngại cần tháo gỡ của thị TTCK Việt Nam không chỉ phụ thuộc vào Bộ Tài chính, UBCKNN mà còn phụ thuộc vào các bộ, ngành khác, nhất là phía Ngân hàng Nhà nước. Để vượt qua được những khó khăn này cần có chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, sự phối hợp chủ động, đồng bộ, khẩn trương của các Bộ, cơ quan liên quan để Việt Nam sớm đạt được mục tiêu nâng hạng lên thị trường mới nổi vào năm 2025.

Trong thời gian tới một số mốc thời gian và sự kiện đáng chú ý cần theo dõi về khả năng nâng hạng của TTCK Việt Nam nhà đầu tư cần lưu ý như: (1) Báo cáo đánh giá phân loại thị trường định kỳ hàng năm của các tổ chức xếp hạng thị trường – đặc biệt là nhận xét của FTSE, (2) Tiến độ thực tế triển khai hệ thống KRX, (3) Hành động của cơ quan quản lý trong việc giải quyết các vấn đề còn vướng mắc – trước tiên là tiêu chí “pre-funding”, (4) Diễn biến của khối ngoại, ETF trên thị trường – trong đó động thái mua ròng mạnh mẽ các cổ phiếu đáp ứng các tiêu chí của NĐTNN là một yếu tố cần quan sát kỹ lưỡng, (5) Quan điểm của các Bộ và cơ quan ngang Bộ có liên quan đến việc phối hợp thúc đẩy tiến trình nâng hạng thị trường.

Hình 01: Tiến trình đánh giá dự kiến của MSCI, FTSE đối với TTCK Việt Nam



Nguồn: BSC Research

# CHUYÊN MỤC TUẦN: *Tiềm năng TTCK Việt Nam khi được các tổ chức MSCI, FTSE nâng hạng*

## 2. Tiềm năng lớn khi TTCK Việt Nam được nâng hạng

### Dòng vốn lớn từ các Quỹ đầu tư nước ngoài sẽ “đổ bộ” vào TTCK Việt Nam

Như đã đề cập trong các báo cáo trước đây, trong trường hợp Việt Nam được các tổ chức FTSE, MSCI nâng hạng lên thị trường mới nổi, TTCK nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung có thể được hưởng lợi ở một số khía cạnh như: (1) tăng cường tính hội nhập toàn cầu, nâng tầm TTCK Việt Nam và vị thế quốc gia, (2) doanh nghiệp trong nước có nhiều cơ hội tiếp cận với các nhà đầu tư nước ngoài tiềm năng, (3) tăng cường tính hấp dẫn của TTCK Việt Nam đối với các nhà đầu tư và (4) đón nhận dòng vốn lớn từ các quỹ đầu tư trên thế giới.

Dòng vốn đầu tư nước ngoài thông qua các quỹ mở, quỹ ETF – tham chiếu theo các bộ chỉ số của MSCI và FTSE được kỳ vọng sẽ “đổ bộ” vào TTCK Việt Nam với quy mô lớn.

Theo dữ liệu tính đến hết ngày 30/11/2023 từ Bloomberg, hiện đang có 491 Quỹ với tổng quy mô 956 tỷ USD bao gồm 180 Quỹ ETF (quy mô 421 tỷ USD) và 311 Quỹ mở có thông tin (quy mô 533 tỷ USD) đang đầu tư vào TTCK mới nổi theo xếp hạng của MSCI và FTSE, trong đó tỷ trọng số lượng các Quỹ tham chiếu theo MSCI (87%) nhiều hơn so với FTSE (13%). Cũng cần lưu ý rằng số liệu của các Quỹ mở theo Bloomberg thống kê chưa bao quát hết toàn bộ thị trường/quy mô của các quỹ đang hoạt động đầu tư vào các khu vực, do đó giá trị thực tế sẽ lớn hơn số liệu tổng hợp.

**Xét riêng khu vực ASEAN5 đối với 04 thị trường: Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Philippines** có tổng cộng 240 Quỹ với tổng giá trị tài sản 859 tỷ USD, trong đó bao gồm 135 Quỹ mở (quy mô 490 tỷ USD – với tổng giá trị đầu tư 13.12 tỷ USD) và 105 Quỹ ETF (quy mô 369 tỷ USD – với tổng giá trị đầu tư 19.04 tỷ USD) đang phân bổ tài sản vào 04 thị trường này. Chi tiết được liệt kê tại Bảng 04.

+ **Philippines:** tham chiếu theo bộ tiêu chí của FTSE hiện đang có 30 quỹ đầu tư với tổng quy mô 1.38 tỷ USD, theo MSCI là 150 quỹ với tổng quy mô 1.8 tỷ USD. Trong đó, quỹ ETF dựa trên bộ chỉ số FTSE có 19 quỹ với tổng giá trị đầu tư là 687 triệu USD.

+ **Malaysia:** với tổng quy mô đầu tư các quỹ hiện tại là 8.1 tỷ USD, trong đó theo tiêu chí FTSE là 42 quỹ với tổng quy mô 3.6 tỷ USD và MSCI là 154 quỹ với quy mô 4.5 tỷ USD;

+ **Indonesia và Thái Lan:** đây là 2 thị trường có quy mô vốn hoá lớn hơn, mặc dù TTCK Indonesia hiện đang được FTSE xếp hạng thị trường mới nổi sơ cấp nhưng với tiềm năng tăng trưởng lớn của nền kinh tế các Quỹ đầu tư nước ngoài đã rót 10.7 tỷ USD – tương đương với quy mô của TTCK Thái Lan (đã được FTSE xếp hạng TTCK mới nổi tiên tiến)

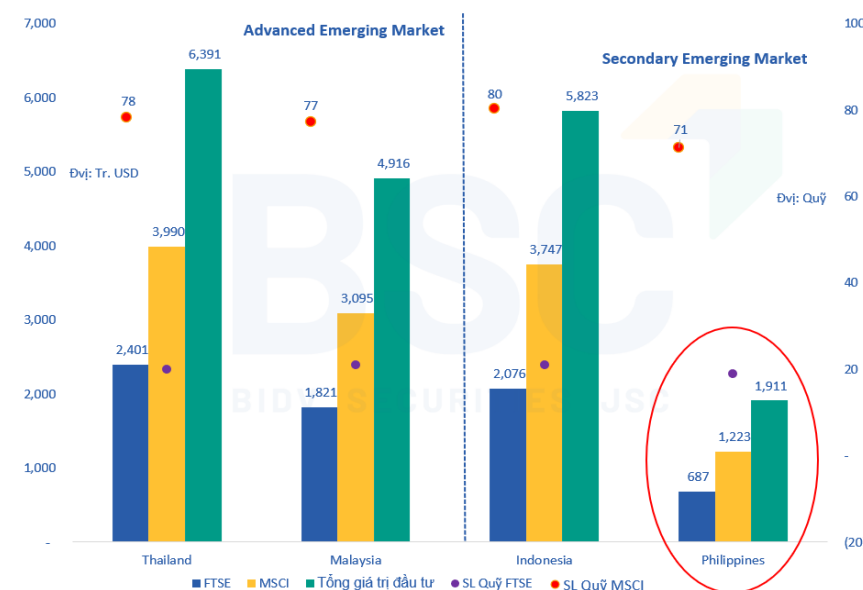
**Bảng 04: Quy mô đầu tư các Quỹ mở, Quỹ ETF tại các TTCK mới nổi khu vực ASEAN**

Tiêu chí		Thailand	Malaysia	Indonesia	Philippines	
Chỉ số tham chiếu		SET Index	FBMEMAS Index	JCI Index	PASHR Index	
Vốn hóa (Tỷ USD)		480	293	723	288	
Số lượng cổ phiếu		669	249	863	282	
Xếp hạng	Phân loại TTCK	Advanced Emerging Emerging Market			Secondary Emerging Emerging Market	
		FTSE	MSCI	Tổng	SL Quỹ FTSE	
Tỷ trọng TB (%)	Tỷ trọng TB (%)	FTSE	2.25	1.44	2.20	0.94
		MSCI	2.88	1.85	2.28	0.99
		Tổng	2.49	1.60	2.23	0.96
Quỹ ETF	Số lượng	FTSE	20	21	21	19
		MSCI	78	77	80	71
		Tổng	98	98	101	90
Giá trị (tr. USD)	Giá trị (tr. USD)	FTSE	2,401	1,821	2,076	687
		MSCI	3,990	3,095	3,747	1,223
		Tổng	6,391	4,916	5,823	1,911
Tỷ trọng TB (%)	Tỷ trọng TB (%)	FTSE	0.98	0.87	1.74	0.54
		MSCI	1.91	1.52	2.68	0.78
		Tổng	1.80	1.46	2.61	0.75
Quỹ mở	Số lượng	FTSE	12	8	9	11
		MSCI	91	77	114	79
		Tổng	103	85	123	90
Giá trị (tr. USD)	Giá trị (tr. USD)	FTSE	2,330	1,787	1,979	692
		MSCI	1,970	1,399	2,296	669
		Tổng	4,300	3,186	4,275	1,361
Tỷ trọng TB (%)	Tỷ trọng TB (%)	FTSE	1.62	1.16	1.97	0.74
		MSCI	2.40	1.69	2.48	0.89
		Tổng	2.15	1.53	2.42	0.86
Tổng cộng	Số lượng	FTSE	32	29	30	30
		MSCI	169	154	194	150
		Tổng	201	183	224	180
Giá trị (tr. USD)	Giá trị (tr. USD)	FTSE	4,731	3,608	4,055	1,379
		MSCI	5,960	4,494	6,044	1,893
		Tổng	10,691	8,102	10,099	3,272

\* Số liệu cập nhật đến hết ngày 30/11/2023

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

**Hình 02: Quy mô và số lượng các Quỹ đầu tư ETF tại các TTCK mới nổi khu vực ASEAN**



Nguồn: Bloomberg, BSC Research



# CHUYÊN MỤC TUẦN: *Tiềm năng TTCK Việt Nam khi được các tổ chức MSCI, FTSE nâng hạng*

Theo ước tính của BSC Research, **trong trường hợp nếu MSCI và FTSE nâng hạng Việt Nam lên TTCK mới nổi sẽ có khoảng 3.5-4 tỷ USD mua mới các cổ phiếu Việt Nam.** Ước tính dựa trên giả định tỷ trọng các cổ phiếu Việt Nam được mua mới ở mức bình quân khoảng 0.7% - tương đương với tỷ trọng của các cổ phiếu TTCK Philippines (được FTSE xếp hạng TTCK mới nổi sơ cấp) trong các danh mục đầu tư các quỹ hiện tại. Bên cạnh đó, các Quỹ đầu tư sẽ xem xét về tiềm năng tăng trưởng kinh tế của quốc gia để phân bổ danh mục đầu tư phù hợp, do đó con số này có thể sẽ thấp hơn thực tế khi Việt Nam đang là quốc gia có môi trường chính trị ổn định, đang tham gia nhiều hiệp định thương mại lớn, là đối tác chiến lược toàn diện của các nền kinh tế lớn trên thế giới và được nhiều tổ chức uy tín đánh giá cao.

**Bảng 05: Tổng hợp diễn biến chỉ số và đồng nội tệ các TTCK mới nổi khu vực châu Á từ 2018-2023**

Biến động tỷ giá từ 2018-2023									Biến động chỉ số chứng khoán từ 2018-2023								
Quốc gia	Tỷ giá	2018	2019	2020	2021	2022	2023	5Y	Index	2018	2019	2020	2021	2022	2023	5Y	
China	CNY/USD	-5.6%	-1.5%	6.7%	1.7%	-7.6%	-2.6%	-3.1%	SHCOMP	-25.5%	23.7%	12.6%	3.9%	-15.0%	-4.5%	19.3%	
India	INR/USD	-8.7%	-2.7%	-2.5%	-1.6%	-10.2%	-0.6%	-16.2%	SENSEX	6.7%	13.8%	15.6%	21.7%	2.8%	18.1%	100.3%	
Indonesia	IDR/USD	-6.1%	4.3%	-1.1%	-2.5%	-8.4%	1.1%	-6.5%	JCI	-2.3%	1.9%	-4.8%	7.8%	2.8%	6.2%	17.4%	
Korea	KRW/USD	-4.9%	-3.2%	6.6%	-9.0%	-5.8%	-1.1%	-13.4%	KOSPI	-17.7%	9.3%	32.1%	1.1%	-25.2%	19.3%	30.1%	
Malaysia	MYR/USD	-2.8%	1.1%	1.7%	-3.9%	-5.3%	-4.0%	-10.0%	FBMKLCI	-5.2%	-4.8%	1.5%	-2.2%	-3.5%	-1.3%	-14.0%	
Philippines	PHP/USD	-5.3%	3.7%	5.5%	-5.8%	-8.5%	0.8%	-5.1%	PCOMP	-14.4%	4.4%	-7.8%	-1.0%	-6.7%	-2.1%	-13.6%	
Taiwan	TWD/USD	-3.5%	2.5%	6.3%	2.1%	-10.1%	0.0%	0.0%	TWSE	-9.2%	25.6%	21.8%	22.3%	-22.6%	26.1%	84.3%	
Thailand	THB/USD	-0.7%	7.6%	0.7%	-10.5%	-3.8%	0.8%	-4.7%	SET	-12.1%	0.9%	-9.2%	12.9%	-0.1%	-15.7%	-9.5%	
Pakistan	PKR/USD	-20.4%	-10.3%	-3.0%	-9.3%	-21.8%	-19.6%	-50.7%	KSE100	-9.0%	7.2%	5.7%	0.4%	-10.0%	52.8%	68.3%	

*Dữ liệu tính toán đến hết 31/12/2023* *Nguồn: Bloomberg, BSC Research*

**Bảng 06: Top các cổ phiếu trong danh mục các quỹ ETF ngoại lớn đang đầu tư vào Việt Nam**

Do Việt Nam hiện vẫn chưa có trong danh sách theo dõi nâng hạng của MSCI và đã trong danh sách theo dõi của FTSE nên trong tương lai gần TTCK Việt Nam sẽ được FTSE chính thức nâng hạng lên TTCK mới nổi sơ cấp. **Khi FTSE Russell chính thức nâng hạng, dự kiến thị trường sẽ đón nhận khoảng 1.3-1.5 tỷ USD từ các Quỹ đầu tư mở/ETF tham chiếu theo bộ chỉ tiêu của FTSE, trong đó các quỹ ETF sẽ dự kiến mua tối thiểu khoảng 700-800 triệu USD (tương đương với quy mô TTCK Philippines hiện tại).**

## Danh mục cổ phiếu đáng chú ý khi Việt Nam được nâng hạng

Bên cạnh các bộ chỉ số bao quát chung, phân bổ ở các quốc gia theo tỷ trọng, MSCI và FTSE cũng sẽ có các bộ tiêu chí dành riêng cho từng thị trường để các Quỹ tham khảo và tham chiếu – phần lớn các Quỹ ETF sử dụng để đầu tư vào các thị trường theo phân loại của MSCI, FTSE.

Chỉ số tham chiếu	Premia	iShares	Fubon	FTSE Vietnam	Vaneck	CGS Fullgoal	VN30 Index
	MSCI Vietnam	Frontier and Select Emerging	FTSE Vietnam 30	FTSE Vietnam	MarketVector Vietnam Local	iEdge Vietnam 30 Sector Cap	
	MSCI	MSCI	FTSE	FTSE	MVIS - Vaneck	SGDCK Singapore	
<b>Tỷ trọng cổ phiếu VN (%)</b>	100%	29%	100%	100%	100%	100%	
HPG	10.52%	3.17%	10.82%	13.77%	6.62%	9.49%	VN30
VHM	8.68%	2.50%	8.93%	9.77%	7.52%	6.87%	VN30
VNM	6.53%	2.02%	8.86%	8.46%	7.94%	9.49%	VN30
VIC	6.74%	2.01%	8.43%	9.49%	8.39%	6.25%	VN30
MSN	5.70%	1.64%	7.78%	7.42%	4.24%	5.12%	VN30
SSI	4.55%	1.30%	6.96%	6.65%	5.40%	10.61%	VN30
VCB	5.93%	1.20%	8.30%	7.92%	5.64%	0.00%	VN30
VRE	2.87%	0.83%	3.81%	3.63%	2.11%	1.75%	VN30
VND	2.69%	0.71%	3.50%	3.34%	4.43%	4.92%	Không thuộc
DGC	2.32%	0.63%	3.18%	3.04%	2.38%	3.21%	Không thuộc
VJC	2.32%	0.68%	3.18%	3.04%	1.55%	1.85%	VN30
NVL	1.98%	0.58%	0.00%	2.68%	3.38%	2.80%	Không thuộc
VCI	1.73%	0.47%	2.28%	2.18%	2.73%	2.99%	Không thuộc
KDH	1.66%	0.42%	2.27%	0.00%	0.67%	0.50%	Không thuộc
GEX	1.33%	0.43%	1.82%	1.74%	1.64%	1.97%	Không thuộc
SHB	1.55%	0.39%	2.13%	2.03%	2.07%	2.31%	VN30
EIB	1.27%	0.38%	0.00%	1.66%	1.91%	2.45%	Không thuộc
POW	0.00%	0.38%	0.96%	0.91%	1.16%	1.35%	VN30
VIX	1.44%	0.37%	0.00%	1.92%	2.33%	2.70%	Không thuộc
BID	1.31%	0.38%	0.00%	0.00%	0.00%	8.10%	VN30
KBC	1.58%	0.37%	2.16%	2.07%	1.45%	1.28%	Không thuộc
STB	1.04%	0.00%	1.91%	0.00%	0.00%	0.00%	VN30
SAB	1.07%	0.25%	1.61%	0.00%	1.79%	0.00%	VN30
KDC	1.05%	0.31%	1.60%	0.00%	1.22%	1.70%	Không thuộc
DIG	1.06%	0.31%	1.45%	1.38%	1.55%	1.12%	Không thuộc
PVD	1.02%	0.30%	0.00%	1.33%	0.90%	1.14%	Không thuộc
DPM	0.69%	0.20%	1.16%	1.10%	1.12%	1.07%	Không thuộc
HUT	0.47%	0.16%	0.00%	0.00%	1.91%	0.00%	Không thuộc
PDR	1.21%	0.33%	1.19%	1.13%	1.68%	0.00%	Không thuộc
VHC	0.90%	0.25%	0.00%	0.00%	1.54%	1.93%	Không thuộc
BVH	0.00%	0.00%	0.53%	0.00%	0.84%	1.67%	VN30

*\*Số liệu tổng hợp đến ngày 31/12/2023* *Nguồn: Bloomberg, BSC Research*

# CHUYÊN MỤC TUẦN: *Tiềm năng TTCK Việt Nam khi được các tổ chức MSCI, FTSE nâng hạng*

Bên cạnh các cổ phiếu vốn hóa lớn thuộc rổ chỉ số VN30-Index do SGDCK Tp Hồ Chí Minh ban hành, các cổ phiếu khác đáp ứng được tiêu chí thanh khoản, vốn hóa, tỷ lệ sở hữu nước ngoài cũng cần được lưu ý trong trường hợp TTCK Việt Nam được các tổ chức nâng hạng thị trường.

BSC Research thực hiện tổng hợp 20 cổ phiếu có tỷ trọng lớn nhất thuộc các ETF ngoại đang nắm giữ cổ phiếu Việt Nam theo đó có tổng cộng 31 cổ phiếu thuộc 06 ETF ngoại cần chú ý, trong đó có 15/30 cổ phiếu VN30-Index gồm: **HPG, VHM, VNM, VIC, MSN, SSI, VCB, VRE, VJC, SHB, POW, BID, STB, SAB, BVH**. Đối với những cổ phiếu hết “room-ngoại” các NĐTNN có thể sở hữu gián tiếp thông qua việc đầu tư CCQ ETF VN-Diamond hoặc sản phẩm NVDR trong tương lai (nếu có).

## Nhận xét:

TTCK Việt Nam đã được FTSE đưa vào danh sách theo dõi xem xét nâng hạng lên thị trường mới nổi sơ cấp kể từ T09/2018 và gần đây FTSE cũng đã có những nhận xét tích cực về nỗ lực của cơ quan quản lý, lãnh đạo Việt Nam trong việc tháo gỡ các khó khăn còn tồn tại để nâng hạng thị trường. FTSE Russell cũng nhấn mạnh việc hoàn thiện các vai trò và trách nhiệm cần thiết phù hợp với luật mới vẫn là bước quan trọng tiếp theo, đồng thời tiếp tục khuyến khích các cơ quan quản lý thị trường Việt Nam đưa ra những hướng dẫn rõ ràng hơn về các bước và khung thời gian thực hiện.

Nâng hạng thị trường là bước đầu tiên để nâng cao chất lượng hoạt động của toàn bộ các thành viên trên thị trường và tiệm cận các tiêu chuẩn theo thông lệ quốc tế, tuy nhiên cũng cần phải xây dựng nền tảng thật tốt để có thể “trụ vững” qua các kỳ đánh giá định kỳ của FTSE, MSCI do trong quá khứ đã không có ít quốc gia đã được nâng hạng nhưng sau đó do không đáp ứng các tiêu chí đã bị các tổ chức này loại khỏi danh sách.

Để TTCK Việt Nam tiếp tục có một bước chuyển mình mới, phát triển bền vững hiệu quả, hội nhập sâu rộng với sự phát triển chung trong khu vực và thế giới rất cần sự chỉ đạo, hành động quyết liệt, hiệu quả của các cơ quan quản lý, các Bộ ban ngành có liên quan, sự chung tay của các thành viên tham gia trong việc thúc đẩy sự phát triển bền vững của thị trường nhằm đạt được mục tiêu nâng hạng thị trường vào năm 2025 mà Chính phủ đã phê duyệt tại Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 11/07/2022 và Quyết định số 1726/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 v/v phê duyệt Chiến lược phát triển TTCK đến năm 2030.

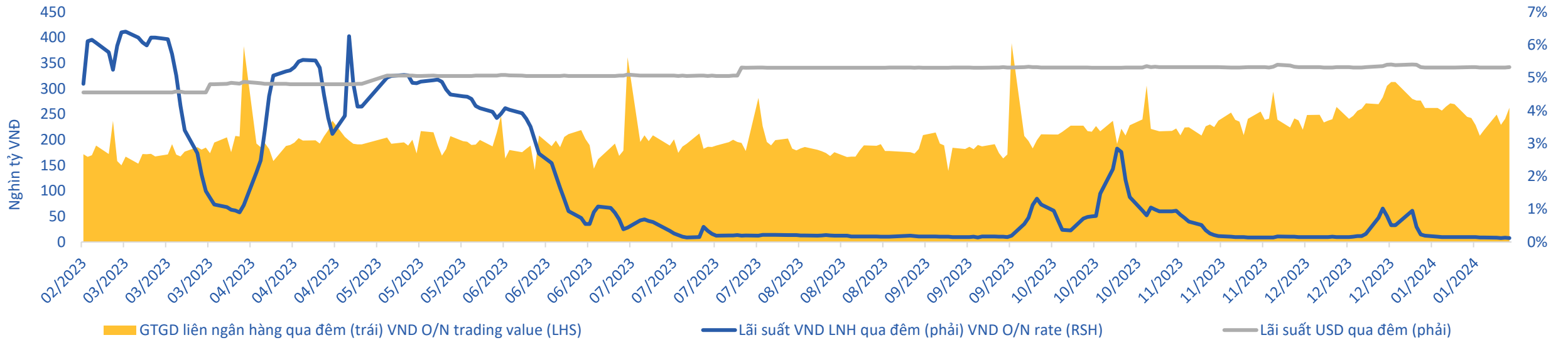
**Bảng 07: Tổng hợp một số mục tiêu của TTCK từ 2025 - 2030**

Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ VND)	2023 % GDP	Mục tiêu đặt ra đối với TTCK		Ghi chú
			2025	2030	
<b>GDP danh nghĩa</b>	<b>10,221,815</b>				
<b>Vốn hóa 3 sàn</b>	<b>5,874,232</b>	<b>57.47%</b>	<b>≥ 100% GDP</b>	<b>≥ 120% GDP</b>	<b>31/12/2023</b>
HSX	4,515,051	44.17%			
HNX	305,344	2.99%			
Upcom	1,053,837	10.31%			
<b>Thị trường trái phiếu</b>	<b>2,950,016</b>	<b>28.86%</b>	<b>≥ 47% GDP</b>	<b>≥ 58% GDP</b>	<b>31/12/2023</b>
<b>Trái phiếu chính phủ</b>	<b>1,799,665</b>	<b>17.61%</b>			
<b>Trái phiếu doanh nghiệp</b>	<b>1,150,351</b>	<b>11.25%</b>	<b>≥ 20% GDP</b>	<b>≥ 25% GDP</b>	
<b>SLTK chứng khoán</b>	<b>7,292,361</b>		<b>9,000,000</b>	<b>11,000,000</b>	<b>31/12/2023</b>
<b>Trong nước</b>	<b>7,246,977</b>				
Cá nhân	7,230,742				Tập trung phát triển NĐT tổ chức, chuyên nghiệp
Tổ chức	16,235				
<b>Nước ngoài</b>	<b>45,384</b>				
Cá nhân	40,833				Tập trung thu hút NĐTNN
Tổ chức	4,551				
<b>Mục tiêu khác</b>			<b>A. Năm 2025</b> - Phấn đấu nâng hạng TTCK lên thị trường mới nổi; - Hoàn thành phân bổ cổ phiếu niêm yết tại SGDCK; - Hướng tới trình độ phát triển của 4 nước dẫn đầu khu vực ASEAN; <b>B. Mục tiêu chung</b> - Hội nhập thị trường tài chính, chứng khoán thế giới, nâng cao khả năng cạnh tranh, quản trị rủi ro, áp dụng các chuẩn mực và thông lệ quốc tế; - Áp dụng thông lệ, tiêu chuẩn ESG công ty tại các SGDCK và VSD, hướng tới yếu tố phát triển bền vững theo thông lệ quốc tế.		

Nguồn: Tổng hợp, BSC Research

# THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

## Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	0.13%	0.26%	0.44%	0.92%	3.16%	4.05%	5.73%
So với tuần trước	-0.02%	-0.02%	-0.05%	-0.25%	0.02%	-0.37%	-0.01%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	245,421.25	14,389	2,789	7,686	3,408	320	2
So với tuần trước	7.40%	21.30%	-38.79%	57.22%	-41.74%	26.28%	0.00%

\* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 25/01/2024

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

## Nhận xét:

- Mặt bằng lãi suất liên ngân hàng bình quân qua đêm duy trì ở mức thấp với thanh khoản tăng nhẹ trong tuần

# PTKT VN-INDEX: Tích lũy lại trên 1,168 điểm với thanh khoản trung bình

**Đồ thị ngày:** VN-Index suy yếu khi tiếp cận vùng 1,180 điểm với 4 cây nến giảm điểm. Các cây nến giảm điểm dù vậy cơ bản nằm trong tầm kiểm soát của cây nến chỉ hướng ngày 19/1 và hồi phục vào phiên cuối tuần. Đường giá đã rời dải bollinger band và các chỉ báo đã thoát khỏi vùng quá mua cho thấy sự suy yếu trong ngắn hạn.

## Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI giảm dưới vùng quá mua, từ 75 xuống 66.
- MACD cắt nhẹ đường tín hiệu từ trên xuống nhưng vẫn duy trì an toàn trên mức 0. Thanh khoản giảm 1% so tuần trước.
- VN-Index giữ trên SMA 20, SMA 50, SMA 200 đồ thị ngày, vượt SMA200 đồ thị tuần.

**Kết luận:** Như đề cập tuần trước hoạt động chốt lãi đã diễn ra khi các chỉ báo kỹ thuật ở vùng quá bán và thanh khoản không cải thiện. Dù vậy VN-Index vẫn duy trì xu hướng tăng điểm và đang có phiên củng cố tích lũy lại trên mô hình hộp tích lũy nhiều tuần trước đó. Chỉ số vẫn có cơ hội tăng lại hoàn thành mô hình sóng 3 ngắn hạn xác lập từ tháng 11, với mức tăng kỳ vọng quanh 1,200 điểm tương đương bước sóng 1 sau khi tích lũy tạo đà quanh 1,168 điểm.

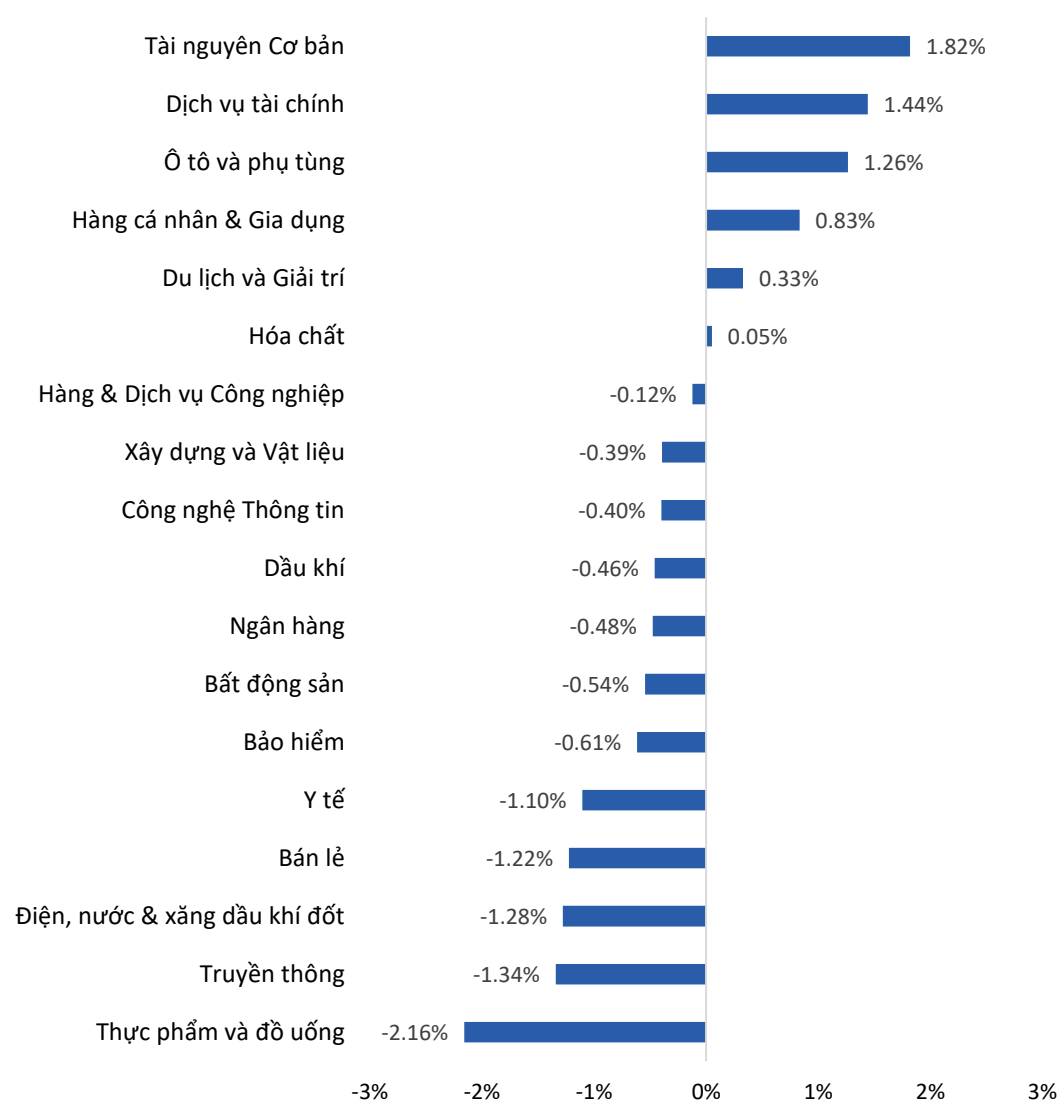


Nguồn: BSC Research

# VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu		
Tài nguyên Cơ bản	0.39%	1.82%	2.41%	HPG	7.49%	HSG 10.20%
Dịch vụ tài chính	0.51%	1.44%	4.81%	SSI	-1.87%	HCM -1.82%
Ô tô và phụ tùng	1.56%	1.26%	1.62%	VEA	3.31%	0 0.00%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.28%	0.83%	3.58%	TCM	1.10%	TNG 2.33%
Du lịch và Giải trí	0.98%	0.33%	-0.95%	HVN	-0.47%	VJC 6.71%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	78.01	0.84%	6.50%	8.59%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/bbl.	83.55	1.36%	6.35%	8.45%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gal.	229.41	1.31%	6.07%	8.92%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/oz.	2018.52	-0.11%	-0.54%	-2.16%	PNJ	
Bạc	USD/oz.	22.802	-0.49%	0.80%	-4.17%		PNJ
Đậu tương	USD/bu.	1209.25	-1.12%	-0.33%	-6.84%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USD/bu.	600.25	-1.96%	1.18%	-4.42%		AFX
Sữa	USD/cwt	16.53	2.35%	2.73%	0.73%	VNM, GTN, QNS	KDC
Cao su	JPY/kg	286.5	-0.42%	5.60%	11.70%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	USD/lb.	23.77	-1.12%	0.85%	15.50%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USD/lb.	193.85	3.69%	4.70%	2.95%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/MT	8545.5	-0.27%	2.33%	-0.16%	MSN, ACM, BGM	CAV, SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/MT	3971	-0.08%	1.64%	-0.72%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC
Nhôm	USD/MT	2274.5	1.61%	5.01%	-4.59%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	988	-0.25%	4.33%	1.49%		HPG
Than đá	USD/MT	118.15	2.29%	-0.08%	-9.43%	HT1, BCC, PPC, POW	HLC, NBC, TNT, THT
Thép HRC	CNY/MT	4100	-0.17%	1.76%	-0.24%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

# TIN VĨ MÔ: Hoa Kỳ: GDP sơ bộ quý 4/2023 +3.3% QoQ

## VIỆT NAM:

- Thủ tướng Chính phủ: Đề nghị Đức sớm phê chuẩn Hiệp định EVIPA; tiếp tục hợp tác với Việt Nam triển khai hiệu quả JETP để Việt Nam thực hiện mục tiêu giảm phát thải cũng như phối hợp hiệu quả triển khai các dự án hợp tác phát triển do Đức tài trợ trong thời gian tới, ưu tiên các lĩnh vực xây dựng hạ tầng, phát triển bền vững, năng lượng tái tạo.
- Nhóm giúp việc Ban Chỉ đạo điều hành giá: Đưa ra 3 kịch bản lạm phát với các mức dự báo CPI bình quân tăng 3.52%, 4.03% và 4.5% trong năm 2024.
- Quyết định số 71/QĐ-TTg: Dự kiến kinh phí thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025 là hơn 870.7 tỷ đồng. Trong đó vốn ngân sách nhà nước là 750.2 tỷ đồng, nguồn vốn khác là 120.5 tỷ đồng.
- Asia House: Nhận định nền kinh tế Việt Nam có khả năng tiếp tục phát triển vượt trội so với các nước láng giềng trong khu vực vào năm 2024, các ngành sản xuất và xuất khẩu thu hút đáng kể đầu tư nước ngoài nhờ độ mở và các điểm mạnh cơ bản của nền kinh tế.
- Cao tốc Bắc-Nam giai đoạn 2 (2021-2025): Tính đến nay, sản lượng thực hiện của 12 dự án thành phần đạt khoảng 20.889 tỷ đồng (hơn 21% giá trị hợp đồng). Bốn dự án có tiến độ tốt với sản lượng đạt trên 25% giá trị hợp đồng gồm: Vũng Áng - Bùng, Bùng - Vạn Ninh, Chí Thạnh - Vân Phong, Vân Phong - Nha Trang. Hai dự án còn bị chậm so với kế hoạch là Hàm Nghi - Vũng Áng, Quảng Ngãi - Hoài Nhơn.
- TP HCM: Kiều hối chuyển về TP HCM năm 2023 đạt gần 9.5 tỷ USD, tăng 43.3% so với năm 2022.

## THẾ GIỚI:

- Hoa Kỳ: GDP sơ bộ quý 4/2023 +3.3% QoQ so với +2% QoQ dự kiến.
- Hoa Kỳ: UBS cho rằng xu hướng ôn hòa của Fed sẽ thúc đẩy sự suy yếu của USD vào cuối năm 2024. Bên cạnh đó, các cặp tiền tệ G10 có khả năng sẽ tiếp tục giao dịch trong biên độ quen thuộc trong những tháng tới.
- Hoa Kỳ: Hàng tồn kho bán buôn tháng 12/2023 tăng +0.4% MoM so với mức giảm -0.4% MoM của tháng trước.
- Hoa Kỳ: PMI dịch vụ sơ bộ tháng 1/2024 là 52.9 so với 51 dự kiến (trước đó: 51.4). PMI sản xuất sơ bộ đạt 50.3 so với 47.9 dự kiến (trước đó: 47.9).
- Châu Âu: PMI sản xuất sơ bộ tháng 1/2024 đạt 46.6 điểm (dự kiến: 44.8; trước đó: 44.4). PMI dịch vụ đạt 48.4 điểm (dự kiến: 49; trước đó: 48.8).
- Châu Âu: Giữ nguyên lãi suất trong cuộc họp chính sách tiền tệ tháng 1/2024.
- Châu Âu: Chủ tịch ECB giữ quan điểm về khả năng cắt giảm lãi suất vào mùa hè; nhấn mạnh CSTT của ECB phụ thuộc vào dữ liệu thực tế chứ không dựa vào một lộ trình cố định; đang theo dõi những diễn biến liên quan đến chi phí vận chuyển.
- Trung Quốc: Hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc 0.5% từ tháng 2/2024, giải phóng thêm 139 tỷ USD cho nền kinh tế.
- Trung Quốc: Mở rộng lệnh cấm bán khống cổ phiếu lên các công ty bảo hiểm (ban đầu chỉ áp dụng lên các quỹ tương hỗ lớn).
- Trung Quốc: Có kế hoạch mở rộng việc đình chỉ các mức thuế ưu đãi theo thỏa thuận thương mại Trung Quốc – Đài Loan (ECFA). ECFA mang lại lợi ích kinh tế cho Đài Loan trong nỗ lực kéo nước này đến gần Trung Quốc hơn. Hồi đầu tháng 1, ngay trước cuộc bầu cử Đài Loan, Trung Quốc đã đình chỉ việc miễn thuế ECFA với một số sản phẩm dầu mỏ.

## THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô quý I năm 2024.
- Công bố KQKD quý IV và năm 2023.
- 30/1, GDP quý IV công bố lần đầu của EU; Tỷ lệ thất nghiệp Nhật Bản; Chỉ số niềm tin dùng Hoa Kỳ . 31/1, CPI Australia; PMI Trung Quốc; CPI Đức, Pháp; GDP Canada; Dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 1/2, Lãi suất và báo cáo tiền tệ FOMC và BOE; PMI Trung Quốc, Nhật Bản, EU, Hoa Kỳ; Đơn xin trợ cấp thất nghiệp Hoa Kỳ. 2/2, Thu nhập bình quân giờ làm, thay đổi bản lương phi nông nghiệp và tỷ lệ trợ cấp thất nghiệp Hoa Kỳ.

# VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
HPG	0.02%	0.79
TCB	0.01%	0.39
ACB	0.01%	0.34
SIP	0.11%	0.32
HCM	0.10%	0.28
HDB	0.02%	0.25
HAG	0.07%	0.23
SHB	0.02%	0.18
FRT	0.05%	0.17
PDR	0.03%	0.17
<b>Tổng</b>		<b>3.12</b>

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
SAB	-0.07%	-1.31
BID	-0.02%	-1.27
VHM	-0.02%	-1.14
GAS	-0.02%	-0.86
VCB	-0.01%	-0.83
MSN	-0.03%	-0.71
CTG	-0.02%	-0.67
VNM	-0.01%	-0.52
VIC	-0.01%	-0.47
MWG	-0.03%	-0.42
<b>Tổng</b>		<b>-8.20</b>

Khối ngoại mua ròng (HSX+HNX)		
Mã	Mua ròng	SHNN
VCG	321.50	0.01
HPG	289.75	24.81
EIB	237.73	3.02
CTG	192.12	27.20
STB	177.78	23.50
HCM	176.28	43.53
BSR	174.58	0.94
VPB	152.31	13.72
HSG	140.74	20.86
VCB	121.56	23.53
<b>Tổng</b>	<b>1,984.37</b>	

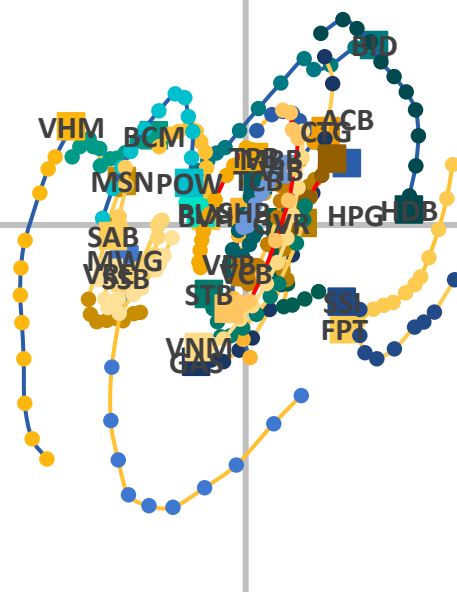
Khối ngoại bán ròng (HSX+HNX)		
Mã	Mua ròng	SHNN
VNM	-176.69	55.16
SAB	-174.39	61.91
DGC	-159.29	16.44
VHM	-140.98	24.89
MSN	-134.87	29.34
MWG	-102.54	47.09
VND	-86.91	22.84
TPB	-86.55	29.78
DPM	-73.41	11.50
GAS	-72.36	2.40
<b>Tổng</b>	<b>-1208.00</b>	

Vận động cổ phiếu VN30		
ACB	106.5776	101.639
BID	108.3483	104.7955
CTG	105.2135	102.4944
GVR	102.2918	100.0655
HDB	110.5921	100.4063
HPG	103.7061	100.0468
MBB	105.6163	101.7596
TCB	100.8076	101.1939
TPB	100.556	101.8012
VIB	102.2825	101.4771
BCM	94.06347	102.3848
BVH	97.42761	100.2377
MSN	92.00588	101.1633
PLX	97.11667	100.3096
POW	96.35038	101.1169
SHB	99.94357	100.3351
VHM	88.69157	102.6203
VIC	89.48633	101.0664
FPT	106.3891	97.2143
SSI	106.2545	97.95024
VCB	100.0128	98.73053
VJC	105.2158	97.74823
GAS	96.8094	96.34017
MWG	92.16796	99.0735
SAB	91.41562	99.6938
SSB	92.23466	98.57602
STB	97.63562	98.15199
VNM	96.99922	96.7318
VPB	98.92637	97.75964
VRE	91.13846	98.71856

Hồi  
phục

Tích  
cực

JdK RS-Momentum



Tiêu  
cực

Suy  
yếu

JdK RS-Ratio

Nguồn: Bloomberg

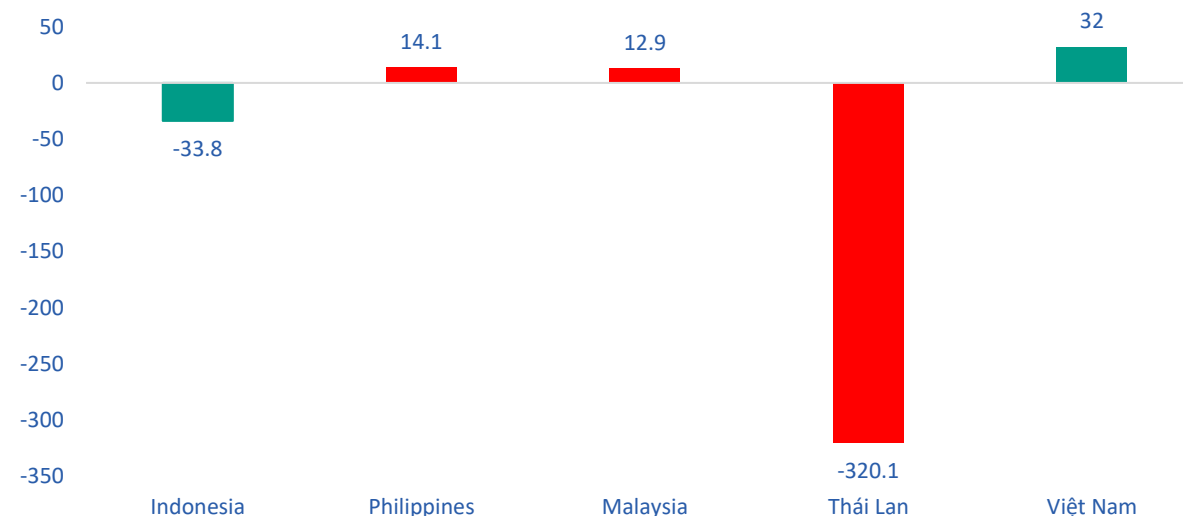
Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- **Tích cực** → nên trong danh sách mua
- **Suy yếu** → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- **Tiêu cực** → nên trong danh sách tránh
- **Hồi phục** → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

# DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

## Diễn biến dòng vốn nước ngoài tại khu vực ASEAN

	WTD	MTD	QTD	YTD
<b>Khu vực châu Á</b>				
<b>ASEAN 5</b>	<b>(294.9)</b>	<b>(221.2)</b>	<b>(221.2)</b>	<b>(221.2)</b>
Indonesia	-33.8	372.9	372.9	372.9
Philippines	14.1	77.1	77.1	77.1
Malaysia	12.9	92.1	92.1	92.1
Thái Lan	-320.1	-808	-808	-808
Việt Nam	32	44.7	44.7	44.7
<b>Các nước khác</b>	<b>2,731.4</b>	<b>16.2</b>	<b>16.2</b>	<b>16.2</b>
Hàn Quốc	610.6	1986.3	1986.3	1986.3
Đài Loan	3100.2	1264.6	1264.6	1264.6
Ấn Độ	-978.4	-3228.9	-3228.9	-3228.9
Sri Lanka	(1.00)	(5.80)	(5.80)	(5.80)



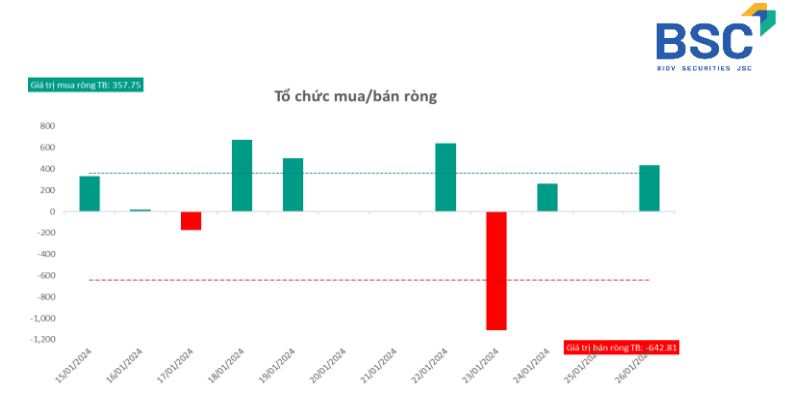
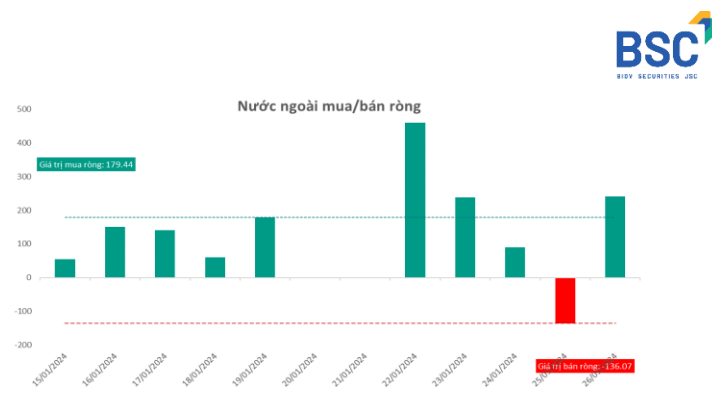
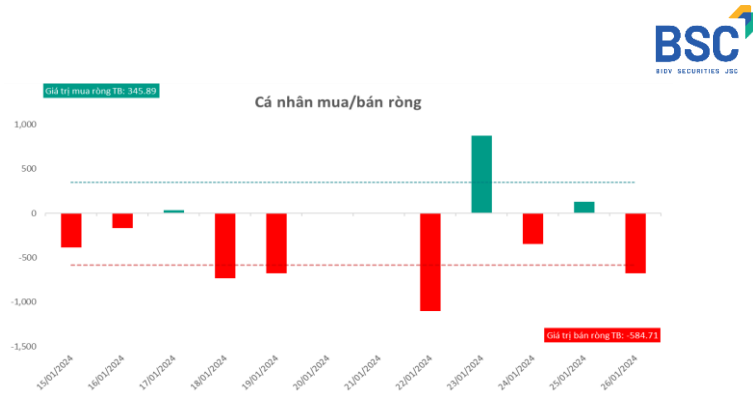
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

## Chi tiết diễn biến các ETF theo tuần

	Oct-23				Nov-23				Dec-23				Jan-24			
	W41	W42	W43	W44	W45	W46	W47	W48	W49	W50	W51	W52	W1	W2	W3	W4
<b>Tổng</b>	2.59	4.50	(1.34)	43.07	4.80	(29.05)	(4.75)	(4.17)	(100.90)	(37.16)	(23.77)	(0.70)	(23.33)	(19.81)	(35.45)	(24.06)
<b>ETF ngoại</b>	18.27	14.35	10.26	40.42	0.18	(6.49)	(4.46)	3.79	(69.82)	(22.18)	(7.54)	4.18	(12.91)	1.59	(17.99)	(21.21)
Fubon	3.14	14.42	11.53	40.42	(1.76)	(14.90)	0.93	0.74	0.75	4.42	8.43	5.28	0.00	0.77	0.00	0.00
VNM	0.00	(6.47)	(1.27)	0.00	0.00	0.00	(5.39)	0.00	0.00	(5.42)	0.00	0.00	0.00	0.00	(1.93)	0.00
FTSE	2.15	2.56	0.00	0.00	1.94	0.51	0.00	3.05	0.76	0.00	(2.92)	(1.10)	2.99	0.82	0.00	0.00
iShare	12.98	3.84	0.00	0.00	0.00	7.90	0.00	0.00	(71.33)	(21.18)	(13.05)	0.00	(15.90)	0.00	(16.06)	(21.21)
<b>ETF nội</b>	(15.68)	(9.85)	(11.60)	2.65	4.62	(22.56)	(0.29)	(7.96)	(31.08)	(14.98)	(16.23)	(4.88)	(10.42)	(21.40)	(17.46)	(2.85)
Diamond	(11.88)	(6.76)	(2.36)	(3.55)	(0.31)	(0.44)	4.83	0.00	(15.27)	(12.82)	(14.77)	(4.88)	(0.63)	(22.59)	(16.99)	(1.99)
E1	(0.74)	(1.83)	(7.80)	8.05	6.75	(0.55)	0.24	0.15	0.16	(0.31)	0.00	0.00	4.23	0.08	0.00	(1.66)
Finlead	(3.06)	(1.26)	(1.44)	(1.85)	(1.82)	(21.57)	(5.36)	(8.11)	(15.97)	(1.85)	(1.46)	0.00	(14.02)	1.11	(0.47)	0.80



# DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐTNN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị
PC1	15,005,000	386.83	CTG	3,152,898	-101.40	VCG	12,639,456	321.50	VNM	2,623,466	-176.69	SAB	2,953,689	173.26	HPG	21,154,701	-599.65
SSI	2,326,600	79.53	FPT	873,300	-85.66	HPG	10,255,371	289.75	SAB	2,973,149	-174.39	VNM	2,282,066	153.72	VCG	12,851,956	-323.81
E1VFN30	2,881,600	58.90	EIB	3,802,282	-75.53	EIB	11,914,729	237.73	DGC	1,781,921	-159.29	VHM	3,271,825	138.74	EIB	16,225,483	-314.62
AAA	5,316,800	53.25	HPG	2,379,300	-67.24	CTG	5,958,469	192.12	VHM	3,326,925	-140.98	MSN	2,043,604	136.10	HSG	10,109,586	-234.57
HSG	2,114,400	48.83	STB	2,129,800	-64.63	STB	5,783,792	177.78	MSN	2,026,104	-134.87	DGC	1,509,145	134.94	NVL	13,311,808	-227.70
MWG	675,100	30.18	VCG	1,549,200	-39.87	HCM	6,860,122	176.28	MWG	2,294,432	-102.54	VND	5,496,553	120.61	VPB	9,688,011	-191.38
VHM	475,200	20.10	VPB	1,740,200	-34.12	VPB	7,721,773	152.31	VND	3,957,753	-86.91	GAS	1,069,460	80.94	HCM	5,360,022	-138.66
ASM	1,640,900	17.09	ACB	1,050,603	-27.78	HSG	6,006,586	140.74	TPB	4,725,909	-86.55	DPM	2,274,700	73.37	SSI	3,372,732	-116.16
LPB	743,204	12.97	VIB	1,136,103	-23.78	VCB	1,325,346	121.56	DPM	2,246,400	-73.41	TPB	3,093,509	56.44	VCB	895,785	-82.73
TCB	308,600	10.52	MBB	998,480	-21.65	PC1	4,758,479	118.07	GAS	955,660	-72.36	FRT	554,705	56.23	NLG	1,936,342	-75.88

# DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	92	8.60%	0.70	21,065.00	3.60	6,013.00	15.30	105,000	23.50%	<a href="#">Link</a>
BID	Ngân hàng	49	26.00%	1.00	11,431.00	1.60	3,887.00	12.60	54,578	17.10%	<a href="#">Link</a>
VPB	Ngân hàng	19.8	3.40%	1.00	6,419.00	6.10	1,532.00	12.90	23,685	16.60%	<a href="#">Link</a>
TCB	Ngân hàng	35.4	20.00%	1.20	5,108.00	4.60	5,111.00	6.90	-	22.50%	<a href="#">Link</a>
MBB	Ngân hàng	22	23.60%	1.20	4,699.00	8.60	3,668.00	6.00	24,400	23.20%	<a href="#">Link</a>
STB	Ngân hàng	30.3	10.20%	0.90	2,340.00	18.80	3,825.00	7.90	31,200	24.40%	<a href="#">Link</a>
GVR	BĐS KCN	21.4	7.30%	1.80	3,515.00	2.10	583.00	36.80	19,100	0.50%	<a href="#">Link</a>
KBC	BĐS KCN	30.2	-2.90%	1.50	950.00	7.50	1,880.00	16.10	42,500	20.30%	<a href="#">Link</a>
IDC	BĐS KCN										<a href="#">Link</a>
VGC	BĐS KCN	51.5	-5.50%	1.60	946.00	0.90	3,078.00	16.70	-	4.80%	<a href="#">Link</a>
HPG	Vật liệu xây dựng	28.4	6.80%	1.40	6,753.00	16.70	322.00	88.10	23,300	26.40%	<a href="#">Link</a>
VHM	Bất động sản	42	1.70%	1.30	7,492.00	7.50	9,468.00	4.40	79,900	24.20%	<a href="#">Link</a>
VRE	BĐS	24	7.50%	1.30	2,211.00	5.20	1,818.00	13.10	38,900	32.10%	<a href="#">Link</a>
KDH	BĐS	31.2	-0.20%	1.20	1,020.00	1.60	1,079.00	28.90	44,100	38.90%	<a href="#">Link</a>
NLG	BĐS	39.6	6.90%	1.20	623.00	8.60	1,643.00	24.10	46,100	41.40%	<a href="#">Link</a>
DGC	Hóa chất	88.9	-2.80%	1.30	1,383.00	3.90	8,146.00	10.90	85,000	13.50%	<a href="#">Link</a>
DPM	Phân bón	32.7	-0.80%	0.90	524.00	1.60	4,017.00	8.10	41,000	15.40%	<a href="#">Link</a>
DCM	Phân bón	30.9	-3.40%	1.40	670.00	2.00	3,050.00	10.10	36,000	11.40%	<a href="#">Link</a>
GAS	Dầu khí	75.2	-1.70%	0.70	7,076.00	2.20	5,283.00	14.20	110,500	2.90%	<a href="#">Link</a>
PLX	Dầu khí	34.5	-1.70%	1.00	1,796.00	0.40	2,628.00	13.10	45,000	17.30%	<a href="#">Link</a>
PVS	Dầu khí	36.9	-4.40%	1.10	722.00	4.80	1,846.00	20.00	38,500	20.30%	<a href="#">Link</a>
PVD	Dầu khí	27.6	-1.20%	1.00	630.00	2.70	780.00	35.40	29,000	21.30%	<a href="#">Link</a>
POW	Tiện ích	11.4	1.30%	0.90	1,094.00	1.10	609.00	18.70	14,500	6.20%	<a href="#">Link</a>
VNM	F&B										<a href="#">Link</a>
MSN	F&B	65.8	8.80%	1.50	3,857.00	5.20	570.00	115.40	27,700	30.50%	<a href="#">Link</a>
MWG	Bán lẻ	44.9	16.60%	1.40	2,690.00	7.00	476.00	94.30	63,800	49.00%	<a href="#">Link</a>
PNJ	Bán lẻ	89.5	11.20%	0.70	1,203.00	2.00	5,506.00	16.30	83,500	49.00%	<a href="#">Link</a>
VHC	Thủy sản										<a href="#">Link</a>
GMD	Logistics	70.1	-0.10%	0.90	878.00	1.50	7,504.00	9.30	57,000	47.00%	<a href="#">Link</a>
FPT	Công nghệ	95.9	4.40%	0.80	4,989.00	3.60	5,095.00	18.80	108,000	49.00%	<a href="#">Link</a>

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

# DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
CTG	Ngân hàng	32.1	22.10%	1.00	7,062.00	4.80	3,773.00	8.50	1.30	27.10%	16.10%
ACB	Ngân hàng	26.3	19.80%	0.90	4,185.00	7.40	3,838.00	6.90	1.50	30.00%	25.20%
HDB	Ngân hàng	21.3	18.30%	0.70	2,524.00	5.80	2,926.00	7.30	1.50	19.60%	23.20%
LPB	Ngân hàng	17.4	14.10%	0.70	1,828.00	1.50	2,179.00	8.00	1.30	2.60%	15.90%
VIB	Ngân hàng										
VND	Chứng khoán	22	4.80%	1.80	1,095.00	9.60	1,662.00	13.20	1.60	22.60%	3.80%
TPB	Ngân hàng	18.3	7.60%	1.10	1,650.00	2.90	2,027.00	9.00	1.20	29.80%	19.80%
SSI	chứng khoán	34.1	8.90%	1.50	2,094.00	20.00	1,342.00	25.40	2.30	43.20%	9.00%
CII	Xây dựng	18.2	7.40%	1.90	237.00	4.70	368.00	49.50	-4.50	6.50%	2.60%
C4G	Xây dựng	11.7	0.00%	1.80	-	0.30	458.00	25.60	1.10	0.00%	5.20%
CTD	Xây dựng	67.7	9.20%	1.30	275.00	2.20	1,388.00	48.80	0.80	44.30%	0.80%
HHV	Xây dựng	15.5	9.50%	1.60	261.00	1.40	1,004.00	15.40	0.70	6.70%	4.20%
LCG	Xây dựng	12	2.10%	1.60	94.00	0.90	456.00	26.40	0.90	2.10%	3.80%
BCM	KCN	61.8	6.20%	0.70	2,620.00	1.50	432.00	143.20	3.80	2.10%	1.70%
HUT	KCN	19.5	-2.00%	1.60	713.00	1.90	54.00	362.90	1.90	1.60%	1.30%
PHR	KCN	48.7	3.30%	1.30	270.00	0.20	4,592.00	10.60	1.80	15.80%	26.90%
SZC	KCN										
HSG	Vật liệu	23.6	9.80%	1.80	594.00	14.30	49.00	483.40	1.40	22.10%	2.30%
HT1	Vật liệu	12.7	4.10%	1.30	198.00	0.10	44.00	286.40	1.00	3.10%	1.30%
NKG	Vật liệu	25.4	10.40%	1.90	274.00	5.00	(974.00)	-26.10	1.30	16.00%	13.50%
PTB	Vật liệu										
KSB	Vật liệu	28.7	14.60%	1.60	90.00	1.20	1,210.00	23.70	1.10	3.00%	5.80%
NVL	BĐS	16.6	-6.20%	2.00	1,326.00	7.00	(309.00)	-53.70	0.90	3.50%	1.90%
DXG	BĐS	19	0.10%	2.20	474.00	4.40	(456.00)	-41.50	1.30	20.00%	3.40%
HDC	BĐS	31	-4.80%	1.80	172.00	1.00	1,898.00	16.30	2.20	1.30%	16.90%
DIG	BĐS	27	9.10%	1.90	673.00	13.80	182.00	148.30	2.20	5.20%	1.10%
IJC	BĐS	14.6	9.40%	1.60	151.00	0.60	1,398.00	10.40	1.00	5.90%	10.90%
BSR	Dầu khí	19	1.10%	1.60	-	5.20	2,493.00	7.60	1.10	0.80%	9.70%
PVT	Dầu khí	26.6	1.30%	0.70	352.00	1.80	2,926.00	9.10	1.20	12.30%	16.40%
PLC	Vật liệu	30.7	2.00%	1.10	102.00	0.10	1,287.00	23.80	1.90	1.20%	8.50%

# DANH MỤC BSC 50 (tiếp)

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
DRC	Săm lốp										
REE	Tiện ích	56.2	-1.60%	0.60	941.00	1.00	5,879.00	9.60	1.40	49.00%	18.50%
GEX	Tiện ích	21.6	0.70%	2.00	755.00	4.80	511.00	42.40	1.50	12.60%	5.40%
NT2	Tiện ích	25.4	5.80%	0.60	300.00	0.30	1,718.00	14.80	1.70	13.40%	16.20%
HDG	Bất động sản	25.8	-6.70%	1.40	322.00	1.20	2,194.00	11.70	1.50	22.80%	16.80%
PC1	Tiện ích	28.4	6.40%	1.60	362.00	8.30	936.00	30.30	1.90	8.50%	5.00%
GEG	Tiện ích	12.9	-2.60%	0.60	180.00	0.10	308.00	41.80	1.00	45.90%	5.60%
BCG	Tiện ích	8.4	-2.80%	2.10	183.00	0.80	(118.00)	-71.30	0.60	1.70%	0.30%
SAB	F&B										
QNS	F&B										
FRT	Bán lẻ	105	2.50%	0.70	586.00	3.10	(1,103.00)	-95.20	9.20	36.20%	11.80%
DGW	Bán lẻ	54.5	7.90%	1.60	373.00	1.80	2,517.00	21.70	3.50	23.40%	21.90%
DBC	F&B	26	3.60%	1.90	254.00	4.10	(250.00)	-102.30	1.30	4.50%	2.90%
PET	Bán lẻ	25.6	5.80%	1.50	112.00	0.20	735.00	34.80	1.50	1.00%	5.70%
BAF	F&B	25	-1.60%	0.10	147.00	1.80	399.00	62.60	2.10	0.30%	10.20%
ANV	Thủy sản	29.4	0.70%	1.50	160.00	0.90	314.00	93.50	1.60	3.00%	10.00%
VSC	Logistics										
HAH	Logistics	38.2	7.70%	1.40	165.00	1.90	4,676.00	8.20	1.60	3.90%	24.60%
CTR	Công nghệ										
TNG	Dệt may										

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

# KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

## **BSC Trụ sở chính**

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings  
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: +84 4 3935 2722  
Fax: +84 4 2220 0669

## **BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: +84 8 3821 8885  
Fax: +84 8 3821 8510

## **Đối với Phân tích Nghiên cứu**

Phòng Phân tích Nghiên cứu  
[hn.ptnc@bsc.com.vn](mailto:hn.ptnc@bsc.com.vn)  
(+84) 39352722 - Ext 108

## **Đối với Khách hàng tổ chức**

Phòng TVĐT và môi giới KHTC  
[hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn](mailto:hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn)  
(+84)2439264659

## **Đối với Khách hàng cá nhân**

Trung tâm tư vấn i-Center  
[i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)  
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

# CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

## THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (\*)

Ngày sinh (\*)

CMTND/CCCD (\*)

Ngày cấp (\*)

Nơi cấp (\*)

Số điện thoại (\*)

Email (\*)

Địa chỉ liên hệ (\*)

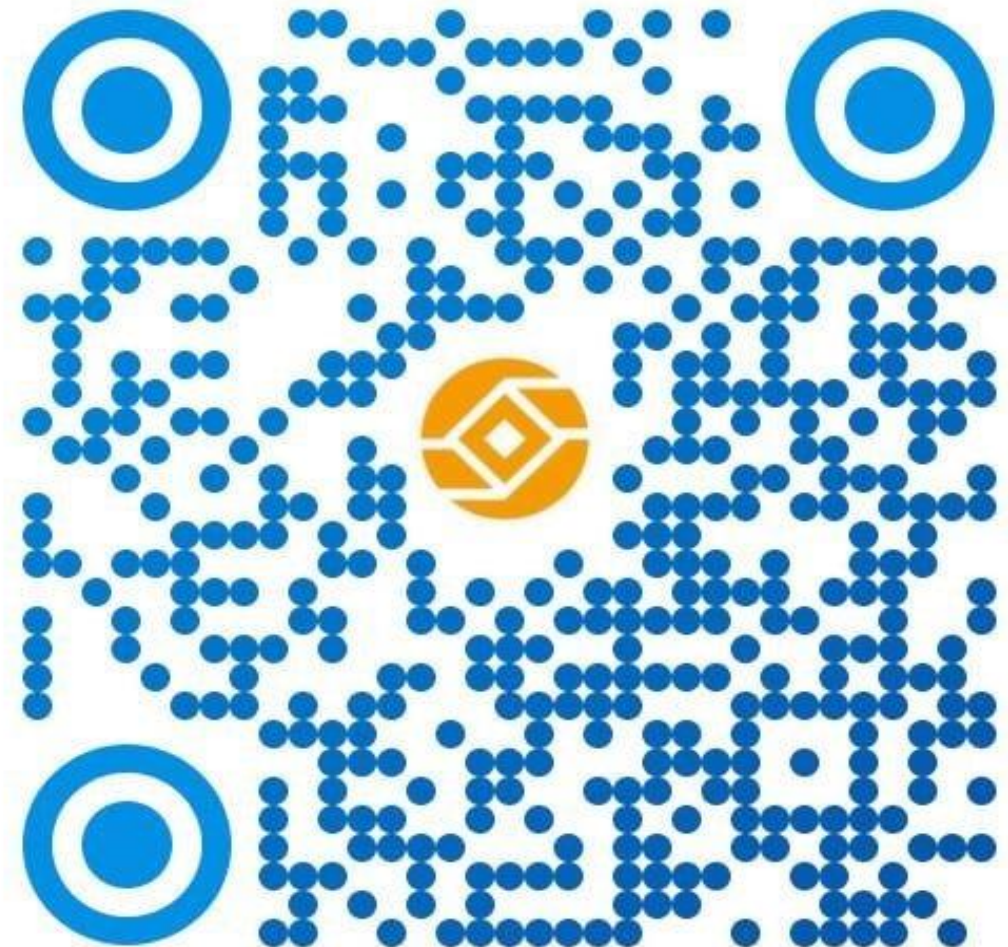
Tỉnh/Thành phố (\*)

Quận/Huyện (\*)

Phường/Xã (\*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký